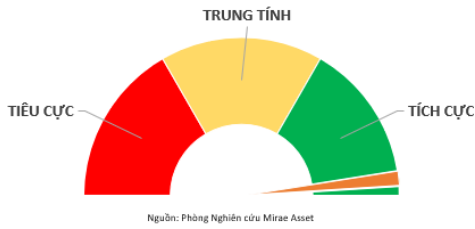


Thang đo sức mạnh thị trường



01 Tháng Sáu 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,337.78	0.73	7.94	52.25
HNX	318.47	0.19	13.03	179.01
UPCOM	88.87	0.11	10.15	59.86
MSCI EM	1,376.21	1.13	2.12	44.64
NIKKEI	28,814.3	-0.16	0.01	30.60
HANG SENG	29,449.8	1.02	2.52	24.09
KOSPI	3,221.8	0.56	2.35	56.02
FTSE	7,075.65	0.76	1.52	16.44
S&P 500	4,204.11	0.08	0.55	38.10
NASDAQ	13,748.7	0.09	-1.53	44.88

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.33	2.70	14.93
SET INDEX	29.86	1.72	5.99
JCI INDEX	28.97	1.60	4.32
PCOMP	28.33	1.63	5.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.14	0	-5	-96
10 năm	2.24	-3	-12	-81

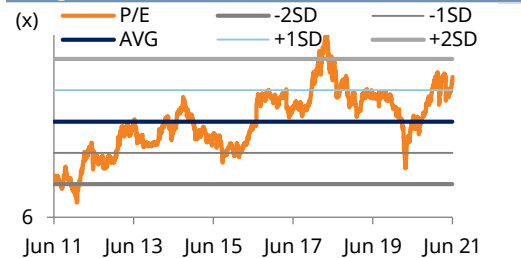
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,046	0.01	0.01	0.91
US\$/KRW	1,106	0.42	1.61	10.76
US\$/JPY	109	0.10	-0.37	-1.72
US\$/EUR	0.82	-0.05	-1.39	-8.97
US\$/GBP	0.70	-0.13	-2.27	-12.23
US\$/SGD	1.32	0.17	0.77	6.66

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	1,011	879	436
HNX	173	113	58
UPCOM	66	41	26

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

VN-Index tăng gần 10 điểm trong phiên giao dịch buổi sáng

Đà tăng của VN-Index vẫn được duy trì trong suốt phiên buổi sáng hôm nay. Thanh khoản tiếp tục được duy trì ở mức tốt với hơn 28.878 tỷ đồng trên 3 sàn. Kết phiên, Vn-Index đóng cửa tại 1.337,7 điểm, tăng 9,7 điểm, tương ứng +0,7% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 21.762 tỷ đồng, HNX: 4.915 tỷ đồng, UPCOM: 2.201 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu Ngân hàng sau nhiều phiên liên tục tăng mạnh đã bắt đầu xuất hiện sự phân hóa trong hôm nay. Trong nhóm VN30, chỉ có HDB, MBB và TPB duy trì được sắc xanh nhẹ, trong khi đó BID, CTG, STB và TCB đều chìm trong sắc đỏ. Đáng chú ý, VCB hôm nay có phiên tăng mạnh khá bất ngờ với +5,2%. Một Blue-chip khác là HPG vẫn bứt phá tốt với mức tăng +5,3%. Mặt khác, nhóm Bất động sản có phiên giao dịch tốt với nhiều mã tăng giá (NLG, VHM, HDG, DIG), trong khi đó nhóm Dầu khí giao dịch khởi sắc trở lại.

Khối ngoại hôm nay bán ròng xấp xỉ 600 tỷ đồng, trong đó HPG tiếp tục bị bán mạnh nhất với 550 tỷ đồng

Liên tiếp tăng điểm trong thời gian gần đây, các chỉ số kỹ thuật của VN-Index vẫn đang thể hiện mức tích cực. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện ở mức +7, thể hiện trạng thái KHẢ QUAN trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	5	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	5	KHẢ QUAN
Kospi	6	KHẢ QUAN
Nikkei 225	4	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	5	KHẢ QUAN
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bu
y Sell (US\$
mn)

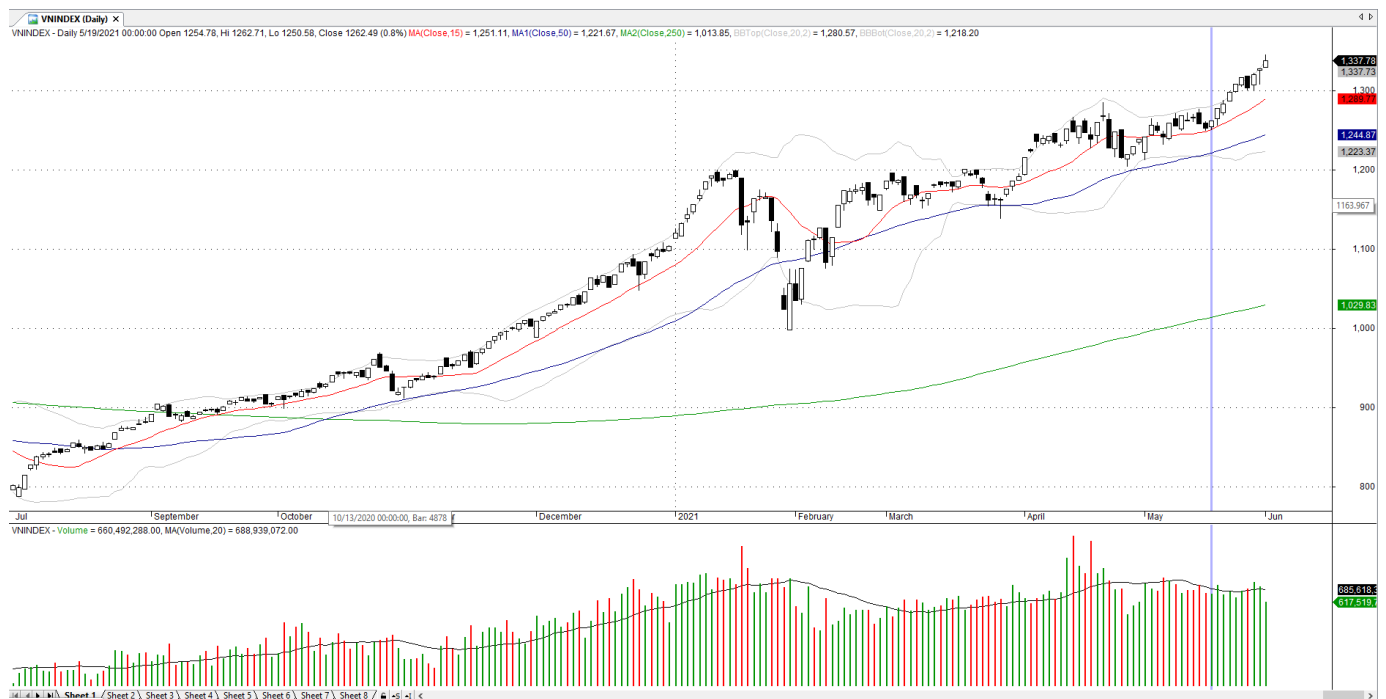
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (01/06/2021)	Kháng cự 1	1.350
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.250

VN-Index tiếp tục “leo dốc” chinh phục các mốc kháng cự tiếp theo, gần nhất là mốc 1.350

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (01/06/2021)	1.487	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.550
VN30 - đóng cửa	1.482	Hỗ trợ 1	1.400
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+4.7	Hỗ trợ 2	1.350

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+5	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	+1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	+7	KHẢ QUAN

VN30F1M vẫn duy trì đà tăng tương đương với cơ sở, điểm kỹ thuật theo ngày vẫn ở mức cao.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.15	3,985,810	1	TRUNG TÍNH	170,114	15.0	3.0
ACB	42.1	10,332,720	5	KHẢ QUAN	248,248	13.7	3.8
AMD	5.43	8,008,550	2	TRUNG TÍNH	58,438	21.7	2.0
ART	11.6	6,348,485	2	TRUNG TÍNH	195,851	11.0	2.1
ASM	13.6	2,405,705	4	KHẢ QUAN	186,111	13.0	2.4
BID	48	4,847,945	7	KHẢ QUAN	106,913	10.6	2.1
BMI	36	1,085,890	7	KHẢ QUAN	59,692	17.9	2.3
BSI	21.4	1,809,295	6	KHẢ QUAN	28,224	15.7	2.5
BSR	17.6	14,493,675	6	KHẢ QUAN	19,341	8.0	2.4
BVH	53.6	837,665	4	KHẢ QUAN	31,809	14.1	2.1
CII	19.6	2,176,515	7	KHẢ QUAN	91,002	10.5	2.4
CTG	52.6	19,079,244	2	TRUNG TÍNH	342,109	13.2	3.8
CTR	86.9	605,300	4	KHẢ QUAN	187,887	19.2	6.0
DBC	61.4	1,821,960	6	KHẢ QUAN	7,773	7.9	2.1
DCM	16.65	2,831,380	-2	TRUNG TÍNH	8,662	6.3	0.9
DGC	71	1,116,490	7	KHẢ QUAN	12,618	19.2	1.0
DGW	125	359,345	7	KHẢ QUAN	54,666	11.1	2.2
DHC	104	355,345	5	KHẢ QUAN	40,509	9.9	2.2
DIG	32.5	5,686,625	6	KHẢ QUAN	14,434	#N/A N/A	2.2
DRC	27.2	1,220,560	-2	TRUNG TÍNH	146,900	32.4	4.6
DXG	27.85	9,616,150	0	TRUNG TÍNH	36,897	28.1	6.9
EIB	32.5	1,139,530	7	KHẢ QUAN	54,569	#N/A N/A	1.8
FIT	14.8	5,623,320	7	KHẢ QUAN	10,876	9.3	2.4
FLC	12.2	25,093,670	-2	TRUNG TÍNH	125,691	83.5	7.8
FPT	87.1	2,525,650	6	KHẢ QUAN	193,057	23.4	2.4
GAS	83.7	732,540	4	KHẢ QUAN	11,714	15.6	2.5
GEX	26.25	4,799,810	7	KHẢ QUAN	79,042	21.2	4.7
GIL	53	755,805	-2	TRUNG TÍNH	405,892	55.2	5.0
GMD	37.5	3,189,130	7	KHẢ QUAN	384,611	18.2	3.8
GVR	28.35	4,312,910	0	TRUNG TÍNH	69,760	26.1	2.3
HAH	26.15	1,692,665	3	TRUNG TÍNH	5,771	10.1	1.6
HBC	14.85	4,727,485	7	KHẢ QUAN	11,386	14.9	2.4
HCM	38.4	5,956,640	2	TRUNG TÍNH	15,408	20.0	1.5
HDB	34.3	8,051,080	4	KHẢ QUAN	12,920	13.6	2.6
HDC	52.5	1,035,305	7	KHẢ QUAN	22,101	18.5	2.7
HDG	46	1,355,765	5	KHẢ QUAN	3,883	5.8	1.9
HNG	10.5	7,563,435	-4	TIÊU CỰC	3,712	204.0	0.6
HPG	55.5	28,499,800	7	KHẢ QUAN	6,719	10.1	2.0
HPX	38.5	864,380	4	KHẢ QUAN	8,665	798.5	2.0
HQC	3.54	14,926,850	5	KHẢ QUAN	11,682	10.2	1.8
HSG	43.5	14,748,030	0	TRUNG TÍNH	68,037	18.8	2.9
HUT	7.1	4,686,610	7	KHẢ QUAN	9,433	145.7	0.7
IDC	37.4	2,683,250	5	KHẢ QUAN	28,337	11.7	1.0
IJC	30.95	4,974,450	-7	TIÊU CỰC	64,896	15.1	3.8
ITA	7	9,629,700	4	KHẢ QUAN	12,816	12.5	1.8
KBC	32.8	5,621,885	6	KHẢ QUAN	113,400	26.0	2.4
KDC	55.3	1,269,775	-4	TIÊU CỰC	11,302	30.1	1.9
KDH	39.55	4,427,755	-6	TIÊU CỰC	8,510	8.5	1.5
KLF	5	8,264,765	2	TRUNG TÍNH	2,517	149.6	1.6
LDG	7.07	4,873,230	7	KHẢ QUAN	6,433	4.4	1.4
LPB	29.6	20,233,456	6	KHẢ QUAN	11,220	35.8	3.0
LTG	35.8	959,575	5	KHẢ QUAN	79,099	15.1	4.1

MBB	38.2	24,150,750	4	KHẢ QUAN	3,770	55.4	1.2
MBS	28	2,500,955	-4	TIÊU CỰC	11,640	447.2	1.3
MSN	107	2,348,700	0	TRUNG TÍNH	12,147	12.9	2.9
MWG	136.5	945,035	7	KHẢ QUAN	1,124	43.0	1.0
NKG	33.55	5,874,145	2	TRUNG TÍNH	2,715	35.7	2.5
NLG	40.95	3,634,995	2	TRUNG TÍNH	12,650	41.2	2.2
NVB	21.3	7,022,860	0	TRUNG TÍNH	3,428	38.7	1.0
NVL	135.8	1,882,130	7	KHẢ QUAN	6,559	15.5	2.4
PDR	75.8	3,371,550	-4	TIÊU CỰC	6,568	31.6	0.6
PET	23	2,143,365	7	KHẢ QUAN	5,988	8.1	1.2
PHR	53.7	799,025	7	KHẢ QUAN	7,097	6.5	2.1
PLX	54.7	2,678,370	3	TRUNG TÍNH	160,198	21.2	3.2
PNJ	100.5	450,535	0	TRUNG TÍNH	4,496	10.8	0.9
POW	12.1	11,176,970	-6	TIÊU CỰC	1,756	23.1	1.1
PVD	22.4	6,053,540	7	KHẢ QUAN	3,492	13.1	2.9
PVS	26.4	10,734,590	-2	TRUNG TÍNH	1,687	236.7	0.4
PVT	18.5	3,416,320	4	KHẢ QUAN	6,238	22.3	5.9
REE	57	753,095	5	KHẢ QUAN	1,922	12.5	1.2
ROS	6.54	26,341,724	-7	TIÊU CỰC	57,519	47.1	3.8
SAB	154	209,700	0	TRUNG TÍNH	12,096	17.3	1.5
SBT	19.6	2,478,475	-4	TIÊU CỰC	8,815	14.8	1.4
SCR	9.2	5,036,970	4	KHẢ QUAN	3,370	19.1	0.7
SHB	31	26,248,396	0	TRUNG TÍNH	22,850	20.2	4.0
SHI	29.8	2,381,335	-4	TIÊU CỰC	5,375	16.3	4.3
SHS	37.5	9,617,380	0	TRUNG TÍNH	39,789	21.0	1.9
SMC	38.6	963,585	-7	TIÊU CỰC	1,239	7.5	1.1
SSI	43.7	15,335,755	-2	TRUNG TÍNH	888	36.1	0.5
STB	32.4	45,213,136	-2	TRUNG TÍNH	17,616	9.9	1.5
SZC	37.2	912,585	6	KHẢ QUAN	7,276	7.6	2.3
TCB	53.1	17,937,924	-5	TIÊU CỰC	4,681	352.3	1.0
TCH	21.85	5,431,065	-4	TIÊU CỰC	827	#N/A N/A	0.5
TLH	17.45	3,236,785	-7	TIÊU CỰC	1,907	4.7	1.4
TPB	37.8	7,246,055	6	KHẢ QUAN	3,289	16.1	1.4
TSC	17.05	6,765,620	7	KHẢ QUAN	2,602	10.4	1.7
VCB	103.7	2,004,510	2	TRUNG TÍNH	7,223	10.3	1.4
VCI	77.6	2,348,390	-7	TIÊU CỰC	6,730	22.1	2.4
VGJ	19	1,953,475	-4	TIÊU CỰC	2,352	4.7	1.3
VHC	39.7	965,855	7	KHẢ QUAN	9,500	33.3	1.5
VHM	104	3,928,715	4	KHẢ QUAN	39,957	45.6	2.4
VIB	71.3	1,308,730	-4	TIÊU CỰC	5,824	12.4	4.0
VIC	120	1,797,725	2	TRUNG TÍNH	1,693	153.7	0.5
VIX	30.4	5,737,560	-7	TIÊU CỰC	2,885	9.3	1.0
VJC	106.2	462,265	6	KHẢ QUAN	3,720	17.6	2.8
VND	50.7	4,973,875	7	KHẢ QUAN	10,183	94.3	3.1
VNM	89.9	4,085,280	7	KHẢ QUAN	1,907	#N/A N/A	0.6
VPB	69.3	35,086,804	0	TRUNG TÍNH	3,231	11.4	1.8
VPI	33.65	1,139,505	6	KHẢ QUAN	3,521	7.7	0.8
VRE	30.7	6,430,765	0	TRUNG TÍNH	98,757	20.4	5.0

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

EU cho phép sử dụng vaccine của Pfizer cho trẻ 12-15 tuổi

Ngày 31/5, Ủy viên phụ trách y tế của Liên minh châu Âu (EU) Stella Kyriakides cho biết Ủy ban châu Âu đã cấp phép sử dụng vaccine Covid-19 của hãng dược Pfizer cho trẻ em từ 12 tuổi trở lên. Trên mạng xã hội Twitter, bà Kyriakides nêu rõ: "Hiện các nước thành viên có thể lựa chọn mở rộng chương trình tiêm chủng cho người trẻ tuổi". Thông báo trên được đưa ra 3 ngày sau khi Cơ quan Quản lý Dược phẩm châu Âu (EMA) "bật đèn xanh" cho việc sử dụng vaccine ngừa Covid-19 đối với thanh thiếu niên từ 12 tuổi trở lên, cho rằng lợi ích của việc tiêm vaccine vượt trội so với những rủi ro. Cùng ngày 31/5, Cơ quan Quản lý Dược phẩm Italia (Aifa) cấp phép sử dụng vaccine Covid-19 cho trẻ 12-15 tuổi. Tuần trước, Đức cũng tuyên bố muốn tiêm chủng cho tất cả người dân từ 12 tuổi trở lên trước cuối mùa hè này. Trong một diễn biến liên quan, chính phủ Đan Mạch đã yêu cầu giới chức y tế nước này xem xét lại quyết định đưa ra trong tháng 5 về việc loại vaccine phòng Covid-19 của hãng dược Johnson & Johnson ra khỏi chương trình tiêm chủng quốc gia.

Một ngày dừng 4 khu công nghiệp, Bắc Giang ước tính mất hơn 2.000 tỷ

Trong báo cáo gửi lãnh đạo Chính phủ, UBND tỉnh Bắc Giang cho biết đã phải tạm dừng hoạt động 4 khu công nghiệp, với 375 doanh nghiệp, trên 163.000 công nhân. Ước tính mỗi ngày giảm trên 2.000 tỷ đồng tổng giá trị sản xuất công nghiệp; trên 140.000 lao động ngừng việc, trong đó có hơn 60.000 lao động ngoại tỉnh. Thống kê từ Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang cho thấy việc các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải tạm dừng hoạt động vì Covid-19 khiến chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5 giảm mạnh (đạt 14.757 tỷ đồng), giảm 40,9% so với tháng 4 và giảm 33,3% so với cùng kỳ năm 2020. Ông Nguyễn Xuân Ngọc, Phó ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cho biết hiện có 395 doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp của tỉnh, với 163.000 lao động. Các doanh nghiệp này mỗi năm đóng góp 300.000 tỷ đồng vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, hơn 3.000 tỷ vào ngân sách Nhà nước. Tính đến ngày 31/5, tỉnh này đã cho phép 10 doanh nghiệp hoạt động trở lại với khoảng 4.000 công nhân, dự kiến sẽ có thêm một số doanh nghiệp nữa được hoạt động trở lại trong hôm nay. Hiện có 40 doanh nghiệp tại 4 khu công nghiệp đăng ký, xây dựng phương án hoạt động trở lại sau khi Bắc Giang dừng các khu công nghiệp từ 18/5. Tỉnh này cũng đã có chủ trương đưa cán bộ y tế vào doanh nghiệp để vừa đảm bảo an toàn phòng, chống dịch, vừa đảm bảo sản xuất. Dự kiến hết tháng 6 sẽ có khoảng 186/310 doanh nghiệp quay trở lại sản xuất.

PMI tháng 5 thấp hơn 1,6 điểm so với tháng 4, về mức 53,1 điểm

IHS Markit vừa công bố báo cáo cho thấy Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 5 của Việt Nam thấp hơn 1,6 điểm so với tháng trước, kết thúc chuỗi tăng 3 tháng liên tiếp, về mức 53,1 điểm, do ảnh hưởng của làn sóng dịch Covid-19 thứ 4. Theo đó, sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm đều tăng

chậm lại so với tháng 4, đặc biệt, chi phí đầu vào tiếp tục tăng mạnh khiến giá cả hàng hóa được bán ra ở mức cao nhất trong hơn một thập kỷ. Cụ thể, tốc độ tăng sản lượng chậm lại, ở mức thấp nhất của ba tháng gần đây. Tình trạng tương tự cũng diễn ra với số lượng đơn đặt hàng mới, ghi nhận mức tăng chậm nhất kể từ tháng 2. Trong khi đó, số lượng đơn đặt hàng mới từ nước ngoài lại tăng mạnh nhờ sức cầu tại một số thị trường có dấu hiệu phục hồi sau dịch Covid-19.

DHC: đề xuất mức chia cổ tức 50% cho năm 2020

Đông Hải Bến Tre (HoSE: DHC) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2021. Công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu thuần 3.500 tỷ đồng, tăng 21% so với năm ngoái. Mục tiêu lợi nhuận sau thuế là 399 tỷ đồng, tăng nhẹ 2% so với năm 2020. Trong đó nhà máy Giao Long 1 dự kiến sản xuất 61.000 tấn và tiêu thụ 55.000 tấn. Nhà máy Giao Long 2 sản xuất 230.000 tấn và tiêu thụ 218.000 tấn. Nhà máy bao bì đặt mục tiêu sản xuất 43,65 triệu tấn sản phẩm và tiêu thụ toàn bộ. Về chính sách cổ tức, HĐQT trình việc chia cổ tức cho năm 2021 dự kiến ở mức 35%/vốn điều lệ, bằng tiền hoặc/và cổ phiếu. Về công tác đầu tư, công ty cũng dự kiến chủ trương đầu tư vào CTCP Bao bì Đông Hải với tổng vốn rót thêm là 250 tỷ đồng (có thể chênh lệch 10%). Thời gian rót vốn khoảng quý III, thời gian đầu tư xây dựng dự án khoảng 2,5 năm để nhà máy bắt đầu hoạt động từ năm 2024. Dựa trên kết quả này, HĐQT trình phương án chia cổ tức năm 2020 tổng tỷ lệ 50%. Trong đó công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 25% vào đầu năm. Phần còn lại sẽ được chia bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. Tổng khối lượng dự kiến phát hành là gần 14 triệu cổ phiếu. Sau khi hoàn tất phân phối cho cổ đông, vốn điều lệ công ty sẽ tăng từ 560 tỷ hiện tại lên gần 700 tỷ đồng. Nguồn vốn lấy từ lợi nhuận chưa phân phối trên BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020.

MML: rót thêm 1.200 tỷ đồng vào công ty chế biến thịt

HĐQT Masan MeatLife (UPCoM: MML) vừa phê duyệt phương án tăng thêm phần vốn góp vào Công ty TNHH MNS Meat – một công ty con với tỷ lệ sở hữu 99,99% vốn điều lệ, với tổng số tiền góp tối đa 1.200 tỷ đồng. Việc góp thêm vốn vào MNS Meat có thể được thực hiện trong nhiều đợt căn cứ vào tình hình hoạt động của đơn vị này và kế hoạch nguồn tiền của công ty mẹ.

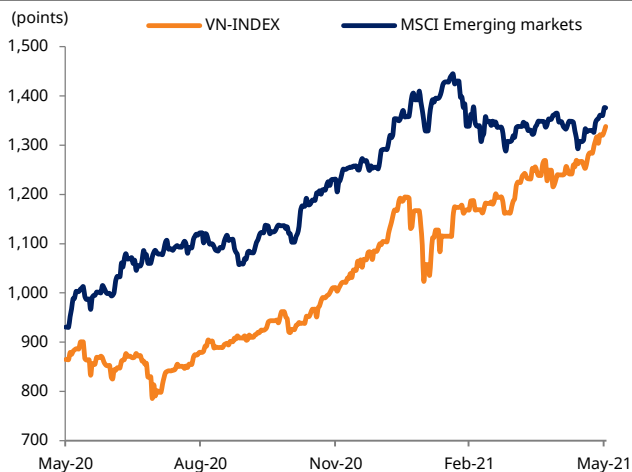
ACB: chốt quyền chia cổ tức tỷ lệ 25%

ACB thông báo 11/6 là ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Trước đó, ngân hàng đã được chấp thuận cho ACB tăng vốn bằng hình thức phát hành 540 triệu cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ 25%. Sau khi hoàn tất, vốn điều lệ của ACB sẽ tăng lên hơn 27.000 tỷ đồng. Ngân hàng cho biết việc tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo các tỷ lệ an toàn đối với ngân hàng, tăng nguồn vốn trung, dài hạn cho các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư trái phiếu Chính phủ, thêm nguồn vốn để cải tạo, đầu tư các dự án chiến lược trong những năm tới.

KDH: chốt quyền chia cổ tức tỷ lệ 10%, phát hành ESOP giá 15.000 đồng/cp

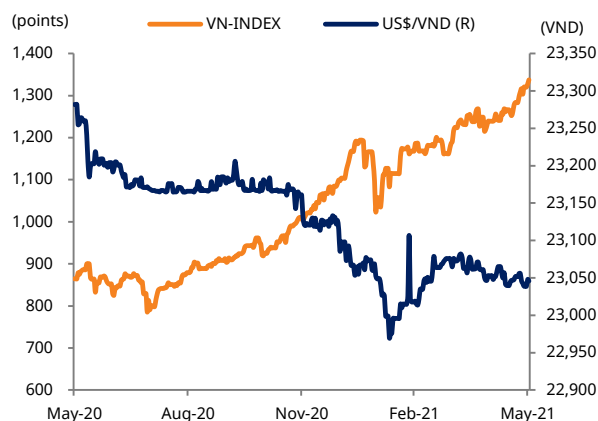
HĐQT CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (HoSE: KDH) thông báo ngày 14/6 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu. Theo đó, công ty sẽ phát hành 55,88 triệu cổ phiếu, tương đương tỷ lệ phát hành 10% để trả cổ tức cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến 31/12/2020. Ngoài ra, công ty cũng sẽ phát hành thêm 8,4 triệu cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên dưới hình thức ESOP. Tỷ lệ phát hành là 1,5%, giá chào bán là 15.000 đồng/cp. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu từ ngày 9/6 đến 21/6. Cổ phần mới phát hành hạn chế chuyển nhượng 1 năm.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



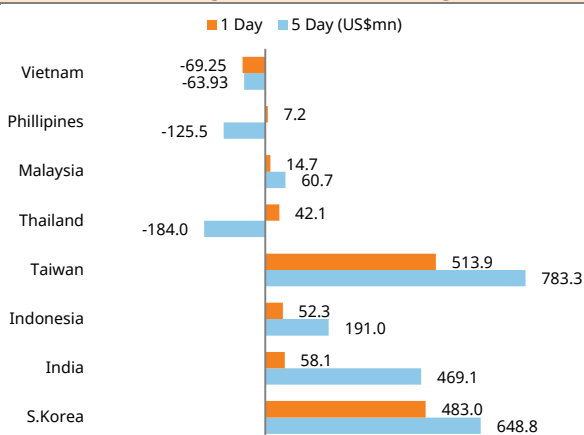
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



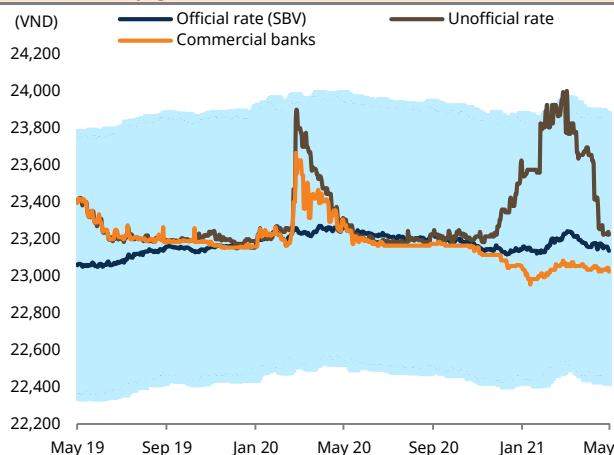
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



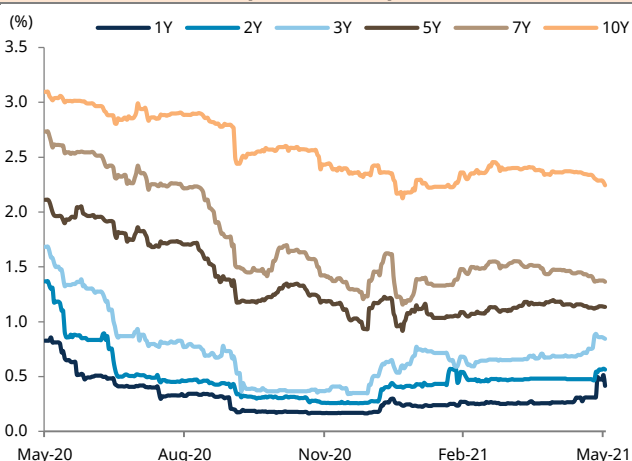
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



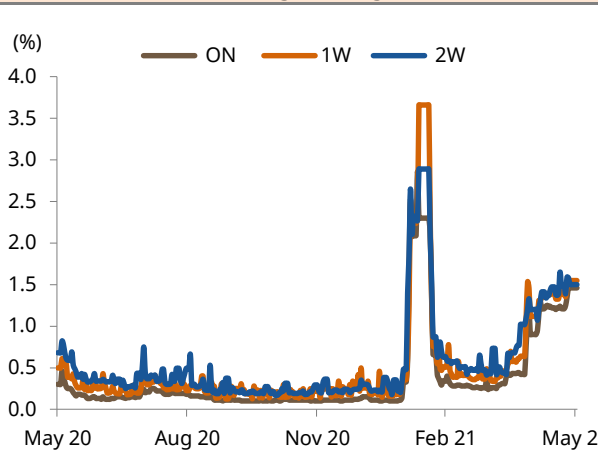
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,482.92	3,526,684		0.6	2.7	13.0	80.5	15.2	12.5	2.8	2.4	9.1	21.6	22.0	21.1
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	48,000	193,057	16.7	-1.4	2.8	17.1	15.8	21.2	17.5	2.3	2.1	56.2	21.6	12.7	13.9
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	53,600	39,789	27.4	-0.9	-2.9	-6.5	5.7	23.0	19.8	1.9	1.8	12.2	16.0	8.3	9.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	52,600	195,851	25.3	-0.9	2.9	28.9	123.8	11.5	10.5	1.9	1.7	24.6	9.8	19.7	19.7
CTCP FPT	FPT VN	87,100	79,042	49.0	3.4	6.8	23.8	107.4	19.7	16.4	4.4	3.8	23.5	19.7	25.6	26.2
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	83,700	160,198	2.4	1.3	1.0	0.2	11.2	16.0	14.8	3.0	2.8	30.3	7.6	20.2	20.3
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	34,300	54,666	17.3	1.5	5.5	25.9	126.8	10.3	8.6	NA	NA	24.8	20.3	19.2	19.0
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	55,500	248,248	28.9	5.3	11.2	29.0	225.2	11.3	9.2	3.3	2.6	71.9	23.4	36.5	31.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	39,550	22,101	30.6	0.3	6.7	12.5	86.6	18.7	13.8	2.5	2.1	2.9	35.1	14.5	17.1
NHTMCP Quân đội	MBB VN	38,200	106,913	22.8	0.5	6.7	25.9	148.4	9.9	8.3	1.8	1.5	29.8	18.9	20.9	20.9
Tập đoàn Masan	MSN VN	107,000	125,691	32.9	-2.8	-5.8	9.2	69.6	45.7	25.2	6.1	4.9	122.2	81.4	12.6	18.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	136,500	64,896	49.0	-1.4	-6.5	-3.1	58.7	13.1	10.5	3.2	2.7	20.4	24.7	27.3	27.3
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	135,800	146,900	7.8	0.9	0.2	3.3	149.7	34.7	25.8	4.4	3.6	-1.6	34.5	16.1	14.9
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	75,800	36,897	2.8	-1.6	0.0	8.0	266.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	54,700	68,037	16.1	0.2	-2.7	8.7	18.1	20.9	17.3	2.9	2.7	281.1	21.1	16.4	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	100,500	22,850	49.0	-0.4	-1.4	2.6	57.3	17.4	13.8	3.7	3.0	33.9	26.7	24.9	23.3
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,100	28,337	3.2	3.0	1.7	-1.6	15.8	13.3	11.2	0.9	0.9	-9.2	19.1	7.7	9.8
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	57,000	17,616	49.0	-2.1	-3.6	6.3	79.8	9.7	8.1	1.3	1.5	12.1	19.0	14.8	12.9
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,600	12,096	8.5	-1.5	-0.5	-2.0	30.7	16.8	NA	1.4	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	43,700	28,224	46.4	-1.6	6.8	34.0	187.5	19.5	18.2	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	32,400	58,438	11.8	-4.1	10.4	35.6	201.4	25.3	18.3	NA	NA	2.6	38.3	11.0	11.6
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	53,100	186,111	22.5	-1.1	2.9	29.5	149.3	11.4	9.6	2.1	1.7	33.1	17.8	19.9	19.3
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,850	8,510	10.7	-2.0	-7.0	0.7	2.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	37,800	40,509	30.0	0.9	7.7	38.0	116.8	8.8	7.3	1.8	1.5	26.9	19.9	23.5	22.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	103,700	384,611	23.3	5.2	3.9	3.7	19.9	18.0	14.5	3.3	2.8	29.2	23.9	20.7	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	104,000	342,109	22.6	1.4	-0.6	4.7	31.5	11.0	9.6	3.0	2.3	13.4	14.7	30.9	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	120,000	405,892	14.3	2.1	-1.9	-8.4	23.5	55.8	41.3	4.4	3.9	27.2	35.0	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	106,200	57,519	18.6	-3.5	-6.3	-15.0	-6.3	51.4	18.2	3.4	2.7	1,476.7	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	89,900	187,887	54.9	-0.7	-0.7	-3.9	-7.1	18.5	17.3	5.6	5.3	1.9	7.0	33.9	34.6
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	69,300	170,114	15.4	0.1	3.7	18.5	182.3	13.4	11.6	2.3	1.9	21.0	15.2	19.1	16.7
CTCP Vincom Retail	VRE VN	30,700	69,760	29.7	4.4	-1.6	-4.1	10.4	24.3	19.1	2.2	2.0	20.8	26.8	9.4	11.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	9.73	4,977,613	0.7	2.2	7.9	52.3	16.3	13.4	2.7	2.3	12.6	21.5	19.1	19.0
Ô tô và phụ tùng	-0.02	8,158	-0.8	-0.8	0.2	35.4	6.0	5.5	1.1	1.0	33.3	9.2	11.7	11.1
Ngân hàng	4.36	1,745,751	1.0	5.9	21.3	78.4	13.8	11.4	2.1	1.8	30.4	18.4	18.4	18.3
Xây dựng cơ bản	-0.29	172,703	-0.6	0.8	2.1	76.2	5.3	4.3	0.4	0.3	5.6	29.7	5.9	6.2
Dịch vụ thương mại	-0.01	4,434	-1.0	-3.6	-1.0	21.0	7.4	5.7	NA	NA	18.8	27.9	10.4	12.5
May mặc và trang sức	-0.16	43,003	-1.3	-2.0	-0.3	117.1	12.8	10.2	2.6	2.1	41.9	22.3	17.4	15.6
Dịch vụ tiêu dùng	-0.02	7,722	-1.0	-1.1	-11.0	9.4	NA	8.1	NA	NA	NA	NA	-7.0	4.9
Dịch vụ tài chính	-0.17	75,917	-0.8	9.2	29.6	166.8	10.2	6.8	0.4	NA	16.1	7.1	7.4	4.8
Năng lượng	0.16	86,339	0.7	3.2	9.7	32.4	22.1	16.3	2.4	2.3	NA	32.6	14.1	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-1.63	507,686	-1.2	-1.9	-0.6	16.7	23.6	16.7	4.5	4.0	44.2	30.7	21.3	22.8
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	875	-3.5	0.2	-2.2	33.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,882	0.7	0.9	0.7	7.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.10	47,265	-0.8	-3.2	-3.4	10.1	19.4	16.7	1.6	1.5	12.2	16.0	7.0	7.8
Nguyên vật liệu	2.73	497,546	1.8	6.3	19.3	162.6	13.4	12.3	2.2	1.2	66.3	-0.6	22.7	19.5
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,482	-3.5	-5.1	-20.1	-27.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.02	35,451	-1.1	1.6	-0.7	78.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	4.62	1,203,117	0.3	0.2	2.7	26.2	9.1	7.6	1.1	1.0	7.4	17.5	8.9	9.5
Bán lẻ	-0.33	73,273	1.5	-0.1	-0.5	56.7	28.3	21.4	3.1	2.6	20.2	27.8	15.0	14.8
Phần mềm và dịch vụ	0.45	83,309	-1.7	-4.0	-3.1	56.6	12.2	9.7	2.9	2.4	30.4	25.0	24.5	24.6
Thiết bị và phần cứng	0.05	5,375	2.0	6.4	22.7	103.8	18.5	15.5	4.1	3.6	28.6	18.6	24.1	24.6
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,243	3.3	-6.0	12.1	363.0	13.6	11.3	3.6	2.9	48.0	20.3	27.0	27.6
Vận tải	-0.68	152,185	-0.6	-1.8	5.7	278.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.85	243,580	-1.6	-3.1	-8.0	14.8	22.3	9.0	25.0	1.2	NA	72.4	-38.4	3.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	103,700	5.2	4,533,500	5.0
HPG VN	55,500	5.3	33,413,400	3.3
VIC VN	120,000	2.1	2,155,400	2.2
VHM VN	104,000	1.4	3,869,100	1.2
VIB VN	71,300	4.1	1,593,800	0.8
VRE VN	30,700	4.4	6,032,600	0.8
GAS VN	83,700	1.3	1,013,500	0.6
FPT VN	87,100	2.3	3,495,000	0.5
ACB VN	42,100	1.7	11,159,800	0.4
NVL VN	135,800	0.9	1,243,900	0.3

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	107,000	-2.8	2,426,200	-1.0
BID VN	48,000	-1.4	4,096,100	-0.7
STB VN	32,400	-4.1	47,063,500	-0.7
TCB VN	53,100	-1.1	12,358,200	-0.6
VJC VN	106,200	-3.5	283,700	-0.5
CTG VN	52,600	-0.9	10,726,300	-0.5
VNM VN	89,900	-0.7	2,339,900	-0.3
GVR VN	28,350	-0.9	5,077,400	-0.3
APH VN	68,300	-6.8	805,100	-0.3
SAB VN	154,000	-1.0	127,300	-0.3

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.